

Số: 800 /TB-CĐYT

Khánh Hòa, ngày 25 tháng 10 năm 2025

THÔNG BÁO
Công khai kết quả lựa chọn nhà thầu

Căn cứ Luật đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023 của Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, khóa XV, kỳ họp thứ 5;

Căn cứ Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, Thuế Nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý; sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ Hướng dẫn Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 17/2025/NĐ-CP ngày 19/02/2025 của Chính phủ Sửa đổi các Nghị định hướng dẫn Luật Đấu thầu;

Căn cứ Quyết định số 1237/QĐ-UBND ngày 6/5/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính đối với Trường Cao đẳng Y tế Khánh Hòa giai đoạn 2022-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐND ngày 18/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa về phân cấp quản lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý của địa phương trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa;

Căn cứ Quyết định số 3321/QĐ-UBND ngày 23/12/2024 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc giao chỉ tiêu kế hoạch và dự toán ngân sách Nhà nước năm 2025 cho Trường Cao đẳng Y tế Khánh Hòa;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính Phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 60/QĐ-CĐYT ngày 27/02/2025 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Khánh Hòa về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Y tế Khánh Hòa;

Căn cứ Thư mời số 686/TM-CĐYT ngày 23/9/2025 của Trường Cao đẳng Y tế Khánh Hòa về cung cấp báo giá về Bảo hiểm cháy nổ và tài sản đối với các cơ sở của Trường Cao đẳng Y tế Khánh Hòa (lần 2);

Căn cứ Quyết định số 307/QĐ-CĐYT ngày 28/8/2025 của Trường Cao đẳng Y tế Khánh Hòa về việc Thành lập Tổ chuyên gia thuộc Dự toán “Mua bảo hiểm cháy

nổ và tài sản cho cơ sở và tài sản năm 2025-2026 của Trường Cao đẳng Y tế Khánh Hòa” (sau đây gọi tắt là Tổ chuyên gia BHCN);

Căn cứ Quyết định số 308/QĐ-CDYT ngày 28/8/2025 của Trường Cao đẳng Y tế Khánh Hòa về việc Thành lập Tổ thẩm định thuộc Dự toán “Mua bảo hiểm cháy nổ và tài sản cho cơ sở và tài sản năm 2025-2026 của Trường Cao đẳng Y tế Khánh Hòa” (sau đây gọi tắt là Tổ thẩm định BHCN);

Căn cứ Quyết định số 362/QĐ-CDYT ngày 01/10/2025 của Trường Cao đẳng Y tế Khánh Hòa về phê duyệt dự toán “Mua bảo hiểm cháy nổ và tài sản cho cơ sở và tài sản năm 2025-2026 tại Trường Cao đẳng Y tế Khánh Hòa”;

Căn cứ Quyết định số 373/QĐ-CDYT ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Trường Cao đẳng Y tế Khánh Hòa về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu thuộc Dự toán “Mua bảo hiểm cháy nổ và tài sản cho cơ sở và tài sản năm 2025-2026 tại Trường Cao đẳng Y tế Khánh Hòa”;

Căn cứ Quyết định số 391/QĐ-CDYT ngày 25 tháng 10 năm 2025 của Trường Cao đẳng Y tế Khánh Hòa về việc phê duyệt Kết quả lựa chọn nhà thầu thuộc Dự toán “Mua bảo hiểm cháy nổ và tài sản cho cơ sở và tài sản năm 2025-2026 tại Trường Cao đẳng Y tế Khánh Hòa”;

Trường Cao đẳng Y tế Khánh Hòa thông báo công khai kết quả lựa chọn nhà thầu thuộc Dự toán “Mua bảo hiểm cháy nổ và tài sản cho cơ sở và tài sản năm 2025-2026 tại Trường Cao đẳng Y tế Khánh Hòa” với các nội dung sau:

1. Thông tin về dự án, kế hoạch lựa chọn nhà thầu:

- Tên gói thầu: “Mua bảo hiểm cháy nổ và tài sản cho cơ sở và tài sản năm 2025-2026 tại Trường Cao đẳng Y tế Khánh Hòa”;
- Giá gói thầu: 63.967.668 đồng (Bằng chữ: Sáu mươi ba triệu chín trăm sáu mươi bảy ngàn sáu trăm sáu mươi tám đồng)
- Nguồn vốn: Nguồn ngân sách nhà nước hoặc nguồn thu của nhà trường;
- Địa điểm thực hiện: Trường Cao đẳng Y tế Khánh Hòa;

2. Kết quả lựa chọn nhà thầu;

- Đơn vị được lựa chọn thầu: Công ty Bảo Minh Khánh Hòa, địa chỉ: số 86 đường Quang Trung, Nha Trang, Khánh Hòa;

3. Thông tin chủ yếu của hợp đồng

- Thời gian thực hiện: 45 ngày (kể từ ngày ký hợp đồng);
- Danh mục chi tiết bảo hiểm:
 - + Thời gian mua bảo hiểm: từ ngày 31/10/2025 đến ngày 31/10/2026.
 - + Giá trị mua bảo hiểm: 116.304.851.425 đồng.

+ Đối tượng mua bảo hiểm: Trụ sở làm việc và tài sản cố định còn khấu hao (không bao gồm đất) của cơ sở 84 Quang Trung, 27 Phan Chu Trinh và Hòn Nghê. (đính kèm phụ lục)

4. Thông tin xử lý vi phạm pháp luật về đấu thầu: (không)

5. Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu: (gói thầu đang triển khai).

6. Danh sách nhà thầu không được lựa chọn và tóm tắt về lý do không được lựa chọn của từng nhà thầu: (không)

7. Kế hoạch hoàn thiện, ký kết hợp đồng với nhà thầu được lựa chọn

- Ngày 29/10/2025: Nhà thầu và chủ đầu tư hoàn thiện dự thảo hợp đồng
- Ngày 30/10/2025: Nhà thầu và chủ đầu tư tiến hành kí kết hợp đồng./.

Nơi nhận:

- Công ty Bảo Minh Khánh Hòa;
- Đăng website;
- Lưu: VT, HCTV.

HIỆU TRƯỞNG

Trần Ngọc Thành

PHỤ LỤC

Danh mục trụ sở làm việc và tài sản tham gia bảo hiểm

*(Đính kèm theo Thông báo số 800 /TB-CDYT ngày 25 tháng 10 năm 2025
của Trường Cao đẳng Y tế Khánh Hòa)*

TT	DANH MỤC					Giá trị tài sản tham gia bảo hiểm
	Tên, đặc điểm, ký hiệu TSCĐ	Năm SX	Năm sử dụng	Số hiệu TSCĐ	Số lượn g	
27 Phan Chu Trinh					27	
Nhà, công trình XD						
1	Công trình cơ sở thực hành Trường Cao Đẳng Y Tế Khánh Hoà	2017	2017	111.111.111.TS1017	1	11.120.579.151
2	Nhà để xe 27 Phan Chu Trinh	0	2018	111.111.115.ABCD 15	1	433.895.500
Máy móc, thiết bị						
1	Sân 27 Phan Chu Trinh	2018		112.111.111.ABCD 14	1	326.900.000
2	Máy tính để bàn	2019	2019	114.111.111.ABCD 6	1	2.860.000
3	Máy điều hòa nhiệt độ	2017	2017	114.111.128.TS0518	10	20.000.000
4	Bàn họp hòa phát ván Melamine (KT W5100xD1500xH750)	2017	2017	114.111.133.TS0717	3	11.250.000
5	Đường dây cáp ngầm 27 PCT)	2017	2017	115.111.112.TS0817	1	338.111.865
6	Máy bơm điện Pentax CM40-200B	2017	2017	116.111.113.TS0117	1	7.562.500
7	Máy bơm Diesel Hyundai D4BB Lưu lượng Q=20	2017	2017	116.111.113..TS0117	1	17.187.500
8	Tủ điều khiển máy bơm chữa cháy	2017	2017	116.111.113.TS0317	1	2.062.500
9	Máy bơm điện sinh hoạt Pentax CM32- 160A	2017	2017	116.111.113.TS0417	1	2.062.500
10	Máy Citi scanner 16 lát cắt + bộ máy tính, máy in	2017	2017	117.111.125.TS0917	1	2.060.750.000
11	Bàn gỗ thiết bị đặt máy XQuang và máy Citi ở 27 Phan Chu Trinh	0	2018	117.111.125.TS262	1	2.250.000
12	Hệ thống xử lý nước thải y tế	0	2020	117.111.125.ABCD 12	1	466.472.663
Cơ sở Hòn Nghệ						

TT	DANH MỤC					Giá trị tài sản tham gia bảo hiểm
	Tên, đặc điểm, ký hiệu TSCĐ	Năm SX	Năm sử dụng	Số hiệu TSCĐ	Số lượn g	
Nhà, công trình XD						
1	Khối hiệu bộ cơ sở(Hòn Nghê)	2022	2022	111.111.113.N22 11	1	28.709.507.959
2	Khối lớp học khối giảng đường	2022	2022	111.111.113.N22 12	1	53.065.758.677
3	Hệ thống phụ trợ Cơ sở Hòn Nghê	2022	2022	111.111.115.N22 13	1	14.585.887.599
84 QUANG TRUNG CHUYỂN QUA HÒN NGHÊ TỪ THÁNG 2/2025						
1	Tủ bàn ghế phòng Hiệu trưởng (Bộ bàn+ghế xoay+ bộ salon gỗ)	2017	2017	114.111.131.ABCD 15	1	3.600.000
2	Máy dập viên tâm sai 1 cối chày		2020	117.111.125.CDYT0 01	1	33.632.500
3	Máy ép miệng túi liên tục		2020	117.111.125.CDYT0 02	1	6.140.000
4	Máy đóng nang bán tự động		2020	117.111.125.CDYT0 03	1	173.585.000
5	Bể điều nhiệt kỹ thuật số 12 lít		2020	117.111.125.CDYT0 04	1	26.750.000
6	Nồi chưng cất tinh dầu 52 lít		2020	117.111.125.CDYT0 05	1	6.500.000
7	Máy làm viên hoàn mềm		2020	117.111.125.CDYT0 06	1	6.410.000
8	Máy trộn ướt bột dược liệu		2020	117.111.125.CDYT0 07	1	12.325.000
9	Máy xát cốm		2020	117.111.125.CDYT0 08	1	158.000.000
10	Hệ thống trang thiết bị cho phòng học linh hoạt - Màn hình cảm ứng kèm bộ CPU	2019	2019	114.111.138.CD030	1	73.425.000
11	Mô hình chăm sóc bệnh nhân	2019	2019	117.111.125.CD001	1	15.112.270
12	Mô hình chăm sóc trẻ em 5 tuổi	2019	2019	117.111.125.CD002	1	9.658.457
13	Mô hình chăm sóc trẻ em 1 tuổi	2019	2019	117.111.125.CD003	1	9.243.887
14	Mô hình chăm sóc trẻ sơ sinh nâng cao	2019	2019	117.111.125.CD004	1	8.399.984

TT	DANH MỤC					Giá trị tài sản tham gia bảo hiểm
	Tên, đặc điểm, ký hiệu TSCĐ	Năm SX	Năm sử dụng	Số hiệu TSCĐ	Số lượng	
15	Mô hình thực hành tiêm và lấy mẫu máu	2019	2019	117.111.125.CD005	1	18.513.514
16	Mô hình cánh tay đào tạo và tiêm tĩnh mạch đa năng	2019	2019	117.111.125.CD006	1	5.711.442
17	Mô hình cánh tay đào tạo tiêm trẻ em 5 tuổi	2019	2019	117.111.125.CD007	1	5.040.656
18	Mô hình cánh tay đào tạo tiêm trẻ sơ sinh	2019	2019	117.111.125.CD008	1	4.702.818
19	Mô hình tiêm cơ mông	2019	2019	117.111.125.CD009	1	18.512.149
20	Mô hình tiêm bụng	2019	2019	117.111.125.CD010	1	5.456.861
21	Bộ thực hành đào tạo thực hành khâu và dập ghim phẫu thuật	2019	2019	117.111.125.CD011	1	6.090.391
22	Bộ gồm 2 mô hình băng bó mồm cắt	2019	2019	117.111.125.CD012	1	9.232.941
23	Mô hình điều trị vết loét	2019	2019	117.111.125.CD013	1	10.500.381
24	Mô hình vết thương chân	2019	2019	117.111.125.CD014	1	9.657.142
25	Mô hình đào tạo đặt ống xông ăn đường mũi và chăm sóc lỗ mở khí quản	2019	2019	117.111.125.CD015	1	31.912.613
26	Mô hình đào tạo thụt tháo bằng Glycerin và lấy phân ra khỏi cơ thể	2019	2019	117.111.125.CD016	1	18.513.010
27	Mô hình thông tiểu nam giới	2019	2019	117.111.125.CD017	1	9.674.991
28	Mô hình thông tiểu nữ giới	2019	2019	117.111.125.CD018	1	8.820.554
29	Mô hình đào tạo hút dịch	2019	2019	117.111.125.CD019	1	17.626.100
30	Mô hình mô phỏng tiếng tim và phổi người lớn	2019	2019	117.111.125.CD020	1	15.120.323
31	Mô hình mô phỏng tiếng tim và phổi trẻ em 5 tuổi	2019	2019	117.111.125.CD021	1	13.853.942
32	Mô hình mô phỏng lớn tim và phổi trẻ em 1 tuổi	2019	2019	117.111.125.CD022	1	13.439.918
33	Mô hình chăm sóc hồi sinh tim phổi (CPR) người lớn	2019	2019	117.111.125.CD023	1	18.056.542
34	Mô hình chăm sóc hồi sinh tim phổi (CPR) trẻ em 5 tuổi	2019	2019	117.111.125.CD024	1	15.799.067

TT	DANH MỤC					Giá trị tài sản tham gia bảo hiểm
	Tên, đặc điểm, ký hiệu TSCĐ	Năm SX	Năm sử dụng	Số hiệu TSCĐ	Số lượn g	
35	Mô hình hồi sinh tim phổi (CPR) và chăm sóc chấn thương trẻ sơ sinh	2019	2019	117.111.125.CD025	1	13.875.406
36	Mô hình đào tạo đường thở người lớn	2019	2019	117.111.125.CD026	1	18.090.280
37	Mô hình đào tạo đường thở trẻ em 5 tuổi	2019	2019	117.111.125.CD027	1	10.933.251
38	Mô hình đào tạo đường thở trẻ sơ sinh	2019	2019	117.111.125.CD028	1	10.517.571
39	Mô hình sản khoa	2019	2019	117.111.125.CD029	1	16.745.181
40	Mô hình điều dưỡng đa năng kết hợp nghe tim phổi		2020	117.111.125.CDYT0 09	1	205.000.000
41	Mô hình thực tập chọc dò tủy sống		2020	117.111.125.CDYT0 10	1	47.500.000
42	Mô hình thực tháo		2020	117.111.125.CDYT0 11	1	22.000.000
43	Mô hình rửa dạ dày		2020	117.111.125.CDYT0 12	1	36.800.000
44	Mô hình cho ăn qua ống thông mũi dạ dày		2020	117.111.125.CDYT0 13	2	241.840.000
45	Máy tính để bàn CMS X-Media X95C-669		2020	114.111.111.CDYT0 16	2	5.720.000
46	Kết sắt KS 100K1DT KT: 481x560x677mm	2017	2017	114.111.130.TS1217	1	1.287.500
47	Máy Scan đa chức năng Kyoxer Taskalfa 2201	2020	2020	114.111.117.CDYT0 14	1	8.076.750
48	Máy chiếu Panasonic PT-LB385 (TBVP3590)		2020	114.111.114.CDYT0 15	3	10.137.600
49	Máy quay Video kỹ thuật số	2019	2019	114.111.120.CD035	1	1.278.750
50	Máy ảnh Canon EDS 8000 Kit		2018	117.111.125.TS267	1	424.750
51	Hệ thống trang thiết bị cho phòng học linh hoạt - Máy tính xách tay	2019	2019	117.111.125.CD031	10	72.187.500
52	Hệ thống trang thiết bị cho phòng học linh hoạt - Hệ thống phần mềm quản lý và điều hành lớp học công nghệ không dây cho 01 máy tính giáo viên và 10 học viên:		2019	124.111.114.CD032	11	26.730.000

TT	DANH MỤC					Giá trị tài sản tham gia bảo hiểm
	Tên, đặc điểm, ký hiệu TSCĐ	Năm SX	Năm sử dụng	Số hiệu TSCĐ	Số lượn g	
53	Tủ đựng bài thi (2.8x2.1x45)		2020	114.111.134.CDYT0 18	1	10.395.000
54	Nhà ký túc xá (khu phòng học 5 tầng)		2003	111.111.112.ABCD 19	1	816.097.559
55	Nhà lớp học và hiệu bộ		2003	111.111.112.ABCD 18	1	1.393.096.787
56	Nhà 2 tầng 84 Quang Trung		2009	111.111.114.ABCD 15	1	41.773.668
57	Nhà tiền chế		2012	111.111.114.YT01	5	550.158.775
58	Nhà ăn, Dịch vụ, Giải trí (Hội trường D)		2003	111.111.115.ABCD 17	1	413.761.330
59	Hộp bộ đo lường MOF 15-30/5A thi công trạm biến áp		2024	112.111.137.103977 9 117	1	58.590.000
60	Trạm biến áp T.255B cấp điện		2024	112.111.137.103977 9 116	1	96.264.900
61	Máy tính để bàn		2021	115.111.111.103977 9 108	1	4.025.000
62	Máy tính để bàn		2021	115.111.111.103977 9 109	1	5.232.500
63	Máy in bằng Olivetti Pr2 PLUS		2024	115.111.113.503	1	11.160.000
64	Máy chiếu EPSON EB-E01		2024	115.112.111.HC500	3	35.640.000
65	Hệ thống cấp nước ngoài nhà		2024	115.113.112.505	1	147.395.500
TỔNG CỘNG						116.304.851.425

Danh sách gồm 82 mục./.